

# Tập thơ Nguyễn Khuyến

Website: <http://motsach.info>

Date: 11-October-2012

## Anh Giả Điếc

Trong thiên hạ có anh giả điếc,  
Khéo ngơ ngác ngác, ngờ là ngây!  
Chẳng ai ngờ "sáng tai họ, điếc tai cày",  
Lối điếc ấy sau này em muốn học.  
Toạ trung đàm tiếu, nhân như mộc  
Dạ lí phan viên, nhĩ tỵ hầu. (1)  
Khi vườn sau, khi ao trước; khi điếu thuốc, khi miếng trầu.  
Khi chè chuyên năm bảy chén, khi Kiều lấy một đôi câu;  
Sáng một chốc, lâu lâu rồi lại điếc  
Điếc như thế ai không muốn điếc?  
Điếc như anh dễ bắt chước ru mà!  
Hỏi anh, anh cứ ậm à.

### Chú thích

1. Hai câu chữ Hán ý nói: khi mọi người ngồi nói chuyện và cười cợt thì ngây ra như gỗ, nhưng đêm khuya leo trèo thì lanh lẹn như con khỉ.

## Bồ Tiên Thi

(1)

Chú huyện Thanh Liêm khéo giở trò,  
"Bồ tiên thi" lại lấy vắn bồ.  
Nghênh ngang võng lọng nhờ ông sứ,  
Ngọng nghẹo văn chương giở giọng ngô.  
Bồ chứa miệng dân chùng bật cạp,  
Tiên (2) là ý chú muốn vùi xu!  
Từ vàng sao chẳng luôn từ bạc,  
Không khéo mà roi nó phết cho.

### Chú thích

1. Bồ tiên: cái roi bằng cỏ bồ mà Lưu Khoan, một ông quan đời Hán nổi tiếng nhân từ, dùng để đánh tội nhân. Dựa vào điển này, tên tri huyện đã mở cuộc thi thơ và ra đầu đề là "bồ tiên thi" ngầm ý khoe mình là người biết thương dân.
2. Tiên: "tiên" nghĩa là cái roi, đồng âm với chữ "tiên" nghĩa là đồng xu.

## Cảm Hứng

Ngày trước cùng lên lạy cửa trời (1)  
Lâu nay vắng vẻ bật tâm hơi  
Nước non man mác về đâu tá  
Bè bạn lơ thơ sót mấy người  
Đời loạn đi về như hạc độc  
Tuổi già hình bóng tựa mây trôi  
Đã hay nhờ được hao mòn lắm  
Một thớ lòng son chữa rõ mùi

### Chú thích

Tác giả tự dịch bài “Ký Hữu”

(1) Câu này ý nói nhà thơ lúc làm quan cũng đã cùng với bạn vào chầu vua ở triều đình

## Chơi Núi Non Nước

(1)

Chom chỏm trên sông đá một hòn,  
Nước trôi sóng vỗ biết bao mòn?  
Phơ đầu đã tự đời Bàn Cổ, (2)  
Bia miệng còn đeo tiếng trẻ con.  
Rừng cúc tiền triều (3) trơ mốc thối,  
Hòn câu Thái phó (4) tảng rêu tròn.  
Trải bao trăng gió xuân già giã,  
Trời dẫu già, nhưng núi vẫn non.

### Chú thích:

1. Núi Non Nước, một thắng cảnh nằm ven bờ sông Đáy ở thị xã Ninh Bình.
2. Bàn Cổ: Ông Bàn Cổ sinh từ lúc mới có trời đất.
3. Tiền triều: triều vua thời trước.
4. Hòn câu thái phó: tảng đá mà thái phó Trương Hán Siêu đã ngồi câu cá.

## Chợ Đồng

Tháng chạp hai mươi bốn chợ Đồng,  
Năm nay chợ họp có đông không?  
Dở trời, mưa bụi còn hơi rét.  
Ném rượu, tường đèn (1) được mấy ông?  
Hàng quán người về nghe xáo xác,  
Nợ nần năm hết hỏi lung tung.  
Dăm ba ngày nữa tin xuân tới.  
Pháo trúc (2) nhà ai một tiếng đùng.

### Chú thích

1. Chợ Đồng họp ngay ở bên cạnh một ngôi đền. Xung quanh đền lại đắp tường đất dày bao bọc, gọi là tường đèn.
2. Pháo trúc: trúc đốt trong lửa, có tiếng nổ to.

## Đĩ Cầu Nôm

(1)

Thiên hạ bao giờ cho hết đĩ?  
Trời sinh ra cũng để mà chơi!  
Dễ mấy khi làm đĩ gặp thời,  
Chơi thủng trống long dùi âu mới thích  
Đĩ bao tử càng chơi càng lịch,  
Tha hồ cho khúc khích chị em cười:  
Người ba đấng, của ba loài,  
Nếu những như ai thì đĩ mốc.  
Đĩ mà có tàn, có tán, có hương án, có bàn đọc (2)  
Khá khen thay làm đĩ có tông (3)  
Khắp giang hồ chẳng chốn nào không.  
Suốt Nam Bắc Tây Đông đều biết tiếng.  
Đĩ mười phương chơi cho đủ chín,  
Còn một phương để nhịn lấy chồng.  
Chém cha cái kiếp đào hồng, (4)  
Bạn với kẻ anh hùng cho đứng số.  
Vợ bọm, chồng quan, danh phận đó,  
Mai sau ngày giỗ có văn nôm.  
Cha đòi con Đĩ Cầu Nôm.

### Chú thích:

1. Cầu Nôm thuộc làng Đại Đồng ở Hải Hưng.
2. Có lẽ ở đây nhà thơ nói đến Tư Hồng, một nhân vật lúc ấy làm đĩ lấy Tây.
3. Có tông: có nòi.
4. Kiếp hồng đào: Kiếp trăng hoa.

## Di Chúc

(1)

Kém hai tuổi xuân đầy chín chục.  
Số thầy sinh phải lúc dương cùng. (2)  
Đức thầy đã mỏng mỏng mong,  
Tuổi thầy lại sống hơn ông cụ thầy.  
Học chẳng có rằng hay chi cả.  
Cười đầu người kẻ đã ba phen; (3)  
Tuổi là tuổi của gia tiên,  
Cho nên thầy được hưởng niên lâu ngày.  
Ấy thuở trước ông mà chẳng đỗ, (4)  
Hóa bây giờ cho bố làm nên;  
Ơn vua chữa chút báo đền,  
Cúi trông hổ đất, ngựa lên thẹn trời.  
Sống không để tiếng đời ta thán,  
Chết được về quê quán hương thôn;  
Mới hay trăm sự vuông tròn,  
Sống lâu đã trải, chết chôn chờ gì?  
Đồ khâm liệm chớ nề xấu tốt,  
Kín chân tay đầu gót thời thôi;  
Cổ đừng to lắm con ơi,  
Hễ ai chạy lại, con mời người ăn.  
Tế đừng có viết văn mà đọc,  
Trướng đối đừng gắm vóc làm chi;  
Minh tinh (5) con cũng bỏ đi,  
Mời quan đề chủ (6) con thì không nên.  
Môn sinh (7) chớ bỏ tiền đặt giấy,  
Bạn của thầy cũng vậy mà thôi;  
Khách quen chớ viết thiệp mời.  
Ai đưa lễ phúng con thời chớ thu.  
Chẳng qua nợ để cho người sống,  
Chết đi rồi còn ngóng vào đâu!  
Lại mang cái tiếng to đầu,  
Khi nay bày biện, khi sau chê bàn.  
Cờ biển của vua ban ngày trước,  
Khi đưa thầy con rước đầu tiên;  
Lại thuê một lũ phường kèn,  
Vừa đi vừa thổi mỗi bên dăm thằng.



Việc tống táng nhưng nhãng qua quýt,  
Cúng cho thầy một ít rượu hoa;  
Đề vào mấy chữ trong bia,  
Rằng: "Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu".

**Chú thích:**

1. Theo ý kiến một số cụ già ở địa phương nhà thơ, thì bài này là do cụ Trần Tấn Bính dịch trong buổi lễ đưa ma cụ Nguyễn Khuyến.
2. Dương cùng: ý nói nhà thơ đã đến ngày tận số.
3. Ý nói: nhà thơ qua ba kì thi đều đỗ đầu bảng (tam nguyên).
4. Ông cụ thân sinh nhà thơ thưở trước cũng là chân học khoa cử, nhưng không đỗ đạt cao.
5. Minh tinh: một mảnh lụa, mảnh vải hoặc mảnh giấy đề tên hiệu, tên thụy, tuổi và chức tước, địa vị người chết trong khi đưa đám ma.
6. Đề chủ: viết tên và hiệu người chết vào. Việc viết này thường được coi là tôn trọng, nên phải mời người có chức tước làm.
7. Môn sinh: học trò cùng học một thầy.

## Gia Ca ch Điê c

Trong thiên hạ có người giả điếc,  
Khéo ngơ ngơ ngác ngác ngỡ là ngây,  
Chẳng ai ngờ sáng tai họ, điếc tai cày, (1)  
Rở lối điếc, để sau này em út học.  
Tọa trung đàm tiểu nhan như mộc,  
Dạ bán phan viên thủ tự hầu. (2)  
Khi vườn sau, khi ao trước, khi điếu thuốc, khi miếng trầu.  
Khi chè chuyên năm bảy chén, khi  
Kiều lấy một đôi câu;  
Tĩnh một lúc, lâu lâu rồi lại điếc.  
Điếc như thế, ai không muốn điếc?  
Điếc như anh dễ bắt chước ru mà!  
Hỏi anh, anh cứ ậm à.

### Chú thích:

(1) Con trâu hề người đi cày bảo "họ" thì nó đứng lại ngay (được nghỉ), trong khi bảo "cày" thì nó lại cứ ì ra làm như chẳng nghe thấy gì.

(2) Ngồi giữa đám nói cười thì mặt ngây như gỗ; Nửa đêm thì tay lẩn mò như con khỉ.

## Lời Gái Góa

Chàng chẳng biết gái này gái góa  
Buồn nằm sông, sông cả áo com  
Khéo thay cái mụ tá om  
Đem chàng tuổi trẻ ép làm lúa đôi  
Chàng tuổi trẻ chơi bời quên nhọc  
Gái già này sức vóc được bao?  
Muốn sao, chiều chẳng được sao  
Trước tuy sum họp, sau nào được lâu?  
Lấy chồng vốn nhờ câu ăn mặc  
Chẳng ngờ rằng đói rách hổ người  
Vốn xưa cha mẹ dặn lời  
Tư bôn lại phải kẻ cười người chê  
Hỡi mụ hỡi, thương chi thương thế?  
Thương thì hay, nhưng kế chẳng hay  
Thương thì gạo vãi cho vay  
Lấy chồng thì gái góa này xin van!  
Tác giả tự dịch bài “ Li phụ hành”

## Lời Vợ Anh Phường Chèo

Xóm bên đông có phường chèo trọ,  
Đương nửa đêm gọi vợ chuyện trò:  
Rằng: "ta thường làm quan to,  
Sao người coi chẳng ra trò trống chi?"

Vợ giận lắm mắng đi mắng lại:  
"Tuổi đã già sao dại như ri?  
Đêm hôm ai chẳng biết chi,  
Người ta biết đến thiệp thì hổ thay!

Ở đời có hai điều nên sợ:  
Sống chết người, quyền ở trong tay.  
Thế mà chàng đã chẳng hay.  
Còn ai sợ đến phường này nữa chẳng?

Vả chàng vẫn lẳng nhăng túng kiết,  
Cuộc sinh nhai chèo hát qua thì,  
Vua chèo còn chẳng ra gì,  
Quan chèo vai nhỏ (1) khác chi thằng hề".

### Chú thích:

1. Vai nhỏ: người đóng trò bôi mặt lem nhem.

## Mẹ Mốc

So danh giá ai bằng mẹ Mốc,  
Ngoài hình hài, gấm vóc chẳng thêm ra; (1)  
Tắm hồng nhan đem bôi lấm xoá nhoà,  
Làm thế để cho qua mắt tục.  
Ngoại mạo bất cầu như mỹ ngọc,  
Tâm trung thường thủ tự kiên kim (2)  
Nhớ chồng con muôn dặm xa tìm,  
Giữ son sắt êm đềm một tiết. (3)  
Sạch như nước, trắng như ngà, trong như tuyết,  
Mảnh gương trinh vàng vạc quyết không nhơ,  
Đắp tai ngánh mặt làm ngọc,  
Ràng khôn cũng kệ, ràng khờ cũng thầy.  
Khôn kia dễ bán đại này!

### Chú thích:

1. Mẹ Mốc điên, xé quần xé áo, nên chỉ trơ có tấm thân không che đậy.
2. Câu này và câu trên đại ý nói: mặt ngoài không cần đẹp như ngọc, nhưng trong lòng hằng giữ bền như vàng.
3. Tiết: khí tiết.

## Mừng Con Dựng Được Nhà

Nghĩ ta, ta cũng sướng ru mà,  
Mừng thấy con ta dựng được nhà  
Năm mới lệ thường thêm tuổi một,  
Cổ phe ngôi đã chốc bàn ba. (1)  
Rượu ngon đến bữa nghiêng bầu dốc,  
Chữ "dại" đầu năm xổ túi ra. (2)  
Một khóm thủy tiên năm bảy cụm,  
Xanh xanh như sắp thập thò hoa.

### Chú thích:

1. Bữa tiệc do phe giáp, một tổ chức nhỏ trong làng, làm lễ mừng thọ các bậc bô lão. ở đây ý nói nhà thơ cũng đã vào bậc bô lão 60 tuổi trở lên rồi.
2. ý nói ngâm vịnh nhiều.

## Mừng Đốc Học Hà Nam

Ông làm đốc học bấy lâu nay,  
Gần đó mà tôi vẫn chưa hay.  
Tóc bạc răng long chùng đã cụ,  
Khăn thâm áo thụng cũng ra thầy.  
Học trò kẻ chợ trầu dầm miếng,  
Khảo khóa ngày xưa quyển một chầy. (1)  
Bổng lộc như ông không mấy nhỉ?  
Ăn tiêu nhờ được chiếc lương Tây.

### Chú thích:

1. Một chầy: tức một tiền. Ngày xưa, mỗi thí sinh khi vào nộp quyển khảo thi, phải nộp kèm theo một tiền (60 đồng kẽm).

## Mừng Ông Nghè Mới Đỡ

Anh mừng cho chú đỗ ông Nghè,  
Chẳng đỗ thì trời cũng chẳng nghe.  
Ân tứ (1) dám đâu coi rẻ rúng,  
Vinh quy ắt hẳn rước từng xòe.  
Rượu ngon ả nọ khôn đường tránh, (2)  
Hoãn (3) đẹp nàng này khó nhẽ che.  
Hiển quý đến nay đã mới rõ,  
Rõ từ những lúc tổng chưa đê. (4)

### Chú thích:

1. Ân tứ: ơn vua ban.
2. Câu này rút ý câu ca dao:  
Em là con gái đồng trinh  
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.  
Ông nghè sai lính ra ve,  
- Trăm lạng ông Nghè, tôi đã có con.  
- Có con thì mặc có con.  
Thắt lưng cho giòn mà lấy chồng quan.
3. Hoãn: một loại hoa tai vàng.
4. Câu này rút ý câu tục ngữ:  
Chưa đỗ ông Nghè đã đê hàng tổng.



## Ngày Xuân Dặn Các Con

Tuổi thêm, thêm được tóc râu phờ,  
Nay đã năm mươi có lẽ ba.  
Sách vở ích gì cho buổi ấy,  
áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.  
Xuân về ngày loạn càng lơ lảo,  
Người gặp khi cùng cũng ngắt ngơ.  
Lẩn thẩn lấy chi đèn tấc bóng,  
Sao con đàn hát vẫn say sưa?

(Tác giả tự dịch bài "Xuân nhật thị chư nhi")

## Nghe Hát Đêm Khuya

Một khúc đêm khuya tiếng đã chầy,  
Nửa chen mặt nước, nửa từng mây.  
Nghĩ mình vườn cũ vừa lui bước,  
Ngán kẻ phương trời chẳng dứt dây.  
Bẻ liễu thành Đài thôi cũng xếp, (1)  
Trồng lan ngõ tối ngát nào hay?  
Từ xưa mặt ngọc ai là chẳng,  
Chén rượu bên đèn lóang tỉnh say.

### Chú thích:

(1) Bẻ liễu thành đài: tác giả dẫn điển Hán Hoàn đời Đường, lấy một danh kĩ là Liễu thị ở phố Chương Đài, Trường An, sau đi làm quan xa, để liễu thị ở lại đó ba năm, không đón đi được, nên làm bài "Chương Đài liễu" để thăm.

## Ông Phổng Đá (2)

Người đâu tên họ là gì?  
Khéo thay chích chích chi chi (1) nực cười.  
Dang tay ngửa mặt lên trời,  
Hay còn lo tính sự đời chi đây?  
Thấy phổng đá lạ lòng muốn hỏi.  
Có làm sao len lỏi đến chi đây?  
Hay tưởng trông cây cỏ nước non này,  
Chí cũng rập dan tay vào hội lạc (2)  
Thanh sơn tự tiểu đầu tương hạc,  
Thượng hải thùy tri ngã diệc âu. (3)  
Thôi cũng đừng chấp chuyện đâu đâu,  
Túi vũ trụ mặc đàn sau gánh vác.  
Duyên hội ngộ là duyên tuổi tác,  
Chén chú, chén anh, chén tôi, chén bác,  
Cuộc tỉnh say, say tỉnh một vài câu.  
Nên chăng đá cũng gặt đâu!

### Chú thích:

- (1) Chích chích chi chi: ngây ngô, khờ khạo.  
(2) Hội lạc: một hội hưởng vui của một số nhà thơ về đời Tống.  
(3) Câu này và câu trên ý nói: ta tự cười đầu đã bạc phơ như đầu chim hạc trong chốn núi xanh, ai có hay đâu ta cũng như con chim âu, ung dung nơi bãi biển xanh.

## Tặng Đốc Hà Nam

Ai rằng ông đại với ông điền,  
Ông đại sao ông biết lấy tiền?  
Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp,  
Khoét thằng mặt trắng (1) lấy tam nguyên (2)  
Dấu nhà vừa thoát sùng trâu đỏ,  
Phép nước xin chừa móng lợn đen (3)  
Chỉ cốt túi mình cho nặng chắt,  
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen.

### Chú thích:

1. Thằng mặt trắng: do câu "Bạch diện thư sinh" chỉ người học trò.
2. Tam nguyên: ba đồng bạc; còn đồng âm với chữ "Tam nguyên" là đồ đầu luôn ba khoa: thi hương, thi hội và thi đình.
3. Móng lợn đen: ám chỉ việc ông đốc học này đã có lần bị Tây đá đít.

## Tặng Đốc Học Hà Nam

Bài này nhà thơ gửi cho ông Trần Tấn Bình, đốc học Hà Nam.

Ai rằng ông đại với ông điền  
Ông đại sao ông biết lấy tiền?  
Cậy cái bảng vàng treo nhị giáp  
Khoét thằng mặt trắng lấy tam nguyên

Dấu nhà vừa thoát sùng trâu đỏ  
Phép nước xin chừa móng lợn đen  
Chỉ cốt túi mình cho nặng chắt  
Trăm năm mặc kệ tiếng chê khen

## Thầy Đồ Ve Gái Góa

Người bảo rằng thầy yêu cháu đây,  
Thầy yêu mẹ cháu có ai hay!  
Bắc cầu, câu cũ (1) không hờ hững,  
Cầm kính, tình xưa (2) vẫn đắng cay.  
Ở góa thế gian nào mấy mụ?  
Đi ve thiên hạ thiếu chi thầy?  
Yêu thầy cũng muốn cho thầy dạy,  
Dạy cháu nên rồi mẹ cháu ngây.  
(Tác giả tự dịch bài "Thiên sư")

### Chú thích:

1. Do câu ca dao:

"Muốn sang thì bắc cầu kiều..."

2. Do câu ca dao:

"Trách người quân tử vô tình,

Có gương mà để bên mình không soi"

Ý nói: người đàn bà góa chê thầy đồ nhất gan, không dám mạnh bạo hơn trong việc ve gái.

## Thu Vịnh

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao,  
Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu.  
Nước biếc trông như tầng khói phủ,  
Song thưa để mặc bóng trăng vào.  
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái,  
Một tiếng trên không ngỗng nước nào?  
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,  
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (1)

### Chú thích:

1. Ông Đào: Đào Tiềm (365 – 427) còn có tên là Uyên Minh, tự là Nguyên Lượng, quê ở Tử Tang, Tâm Dương nay thuộc tỉnh Giang Tây. Ông thuộc dòng dõi thế gia vọng tộc; bản chất thông minh, ham đọc sách, lúc còn trẻ, ông mang rất nhiều hoài bão muốn ra giúp nước cứu đời, nhưng chẳng toại nguyện. Từng có thời gian làm quan, nhưng vì chán ghét cảnh xu nịnh nơi quan trường, thấy rằng chẳng ứng dụng được nho học vào đời, ông quyết ẩn cư nơi thôn dã, tìm vui vào đạo Lão Trang, lãng du thâm sơn cùng cốc với túi thơ bầu rượu. Ông nghiên về thơ, ít văn; nhưng thơ và văn của ông đều bình dị tự nhiên mà ý tứ lại thâm trầm, chứ không chuộng lối biền ngẫu của giới sĩ phu đương thời. Ông được xem như là nhà thơ điền viên đầu tiên của Trung Quốc đến nỗi những bậc kỳ tài về sau như Lý Bạch, Đỗ Phủ, Liễu Tôn Nguyên, Vương An Thạch, Tô Đông Pha đều chịu ảnh hưởng của ông khi ca tụng thiên nhiên hay an vui ẩn dật.

## TRỞ VỀ VƯỜN CŨ

Vườn Bùì (1) chốn cũ,  
Bốn mươi năm lự khự lại về đây.  
Trông ngoài sân đũa nở mấy chồi cây,  
Thú khâu hác lâm tuyền (2) âu cũng thế.  
Bành Trạch (3) cầm xoang ngâm trước ghế,  
Ôn công (4) rượu nhạt chuốc chiều xuân.  
Ngọn gió đông ngảnh lại lệ đầm khăn  
Tính thương hải tang điền qua mấy lớp?  
Ngươi chớ giận Lỗ Hâu (5) chẳng gặp.  
Như lơ phơ tóc trắng lại làm chi  
Muốn về sao chẳng về đi?

### Chú thích:

(Tác giả tự dịch bài Bùì viên cộu trạch ca)

(1) Vườn Bùì: Thôn Vị Hạ, xã Yên Đổ, nay là xã Trung Lương, huyện Bình Lục (Nam Hà) quê hương Nguyễn Khuyến.

(2) Khâu hác: gò và khe; Lâm tuyền: rừng và suối.

(3) Bành Trạch: tên một huyện cũ thuộc tỉnh Giang Tây (Trung Quốc).

(4) Ôn công: tức Tư Mã Quang, khi cáo quan về ở ẩn chỉ uống rượu tiêu sấu.

(5) Lỗ Hâu: tức Lỗ Bình Công.



## Uống Rượu Ở Vườn Bùì

Tuý Ông (1) ý chẳng say về rượu,  
Say vì đâu, nước thắm với non cao.  
Non lặng ngắt, nước tuôn ào,  
Tôi với bác xưa nay cùng thích thể.  
Đời trước thánh hiền đều vắng vẻ,  
Có người say rượu tiếng còn nay.  
Cho nên say, say khướt cả ngày,  
Say mà chẳng biết rằng say ngã đùng.  
Chu Bá Nhân (2) thuở trước sang sông.  
Chỉ tỉnh rượu ba ngày không phải ít.  
Kêu gào thể cười chi cho mệt,  
Chớ buồn chi nghe tiếng hát làng say  
Xin người gắng cạn chén này.

### Chú thích:

(Tác giả tự dịch bài "Bùi viên đối ẩm" trích cú ca)

(1) Tuý Ông: "Ông say" tên hiệu của Âu Dương Tu đời Tống.

(2) Chu Bá Nhân: Chu Nghị.

## Văn Tê Nga c Nhi

Than ôi! Một phút sa cơ  
Ra người thiên cổ

Nhớ ông xưa:  
Cái mắt ông xanh,  
Cái da ông đỏ,  
Cái tóc ông quăn,  
Cái mũi ông lỗ,  
Đít ông cười lùa  
Miệng ông huýt chó.  
Lưng ông đeo súng lục liên,  
Chân ông đi giày có mỏ.  
Ông ở bên Tây,  
Ông sang đô hộ.  
Đánh giặc Cờ Đen,  
Để yên con đỏ.

Nào ngờ:  
Nó bắt được ông,  
Nó chặt mất sỏ.  
Cái đầu ông đây  
Cái mình ông đó.  
Khốn nạn thân ông,  
Đù cha mẹ nó!

Tôi:  
Vâng lệnh quan trên,  
Cúng ông một cỗ, N  
ày chuối một buồng  
Này rượu một hũ,  
Này xôi một mâm,  
Này trứng một rổ,  
Ông có linh thiêng,  
Mời ông xơi hộ,  
Ăn uống no say,  
Nằm yên một chỗ.

Ới ông Ngạc Nhi ôi!  
Nói càng thêm khổ.

## Vịnh Lụt

Tị trước (1) Tị Này(2) chục lẻ ba  
Thuận dòng nước cũ lại bao la  
Bóng thuyền thấp thoáng giong trên vách  
Tiếng sóng long bong vỗ trước nhà  
Bắt bậc người còn chờ chúa đến  
Đóng bè ta phải rước vua ra  
Sửa sang việc nước cho yên ổn  
Trời đã sinh ta ắt có ta.

### Chú thích:

- (1) Năm Quý Tị (1893) vỡ đê Nhị Hà đồng bằng Bắc bộ bị nước lụt tràn ngập, mùa màng mất hết, dân chết đói khá nhiều.  
(2) Năm Ất Tị (1905) mười ba năm sau lại có 1 trận lụt nữa thiệt hại hơn trước.

## Vịnh Mùa Hè

Biếng trông trời hạ nước non xa,  
Ý khí ngày thường nghĩ đã trơ.  
Cá vượt khóm rau lên mặt nước,  
Bướm len lá trúc lượn rèm thưa.  
Thơ Đào (1) cửa miệng đưa câu rượu  
Xóm Liễu (2) quanh khe chịu tiếng khờ.  
Nhân hứng cũng vừa toan cất chén,  
Sấm đông rầm rập gió nồm đưa.  
(Tác giả tự dịch bài "Họ nhật ngẫu hứng")

### Chú thích:

1. Đào tức là Đào Tiềm đời Tấn (xem chú giải ở bài Thu vịnh).
2. Liễu tức là Liễu Tôn Nguyên (773 - 819) tự là Tử hậu, quê quán Hà Đông, người cùng thời với Hàn Dũ và cũng chủ trương tôn Khổng Mạnh, bài triết lý Phật. Ông đỗ Tiến sĩ và Bác học Hoàng tử, làm quan đến Giám sát ngự sử. Sau bị tội, nên bị giáng xuống làm Tư mã Vĩnh Châu, rồi Liễu Châu thứ sử.

## Vịnh Núi An Lão

Mặt nước mênh mông nổi một hòn,  
Núi già nhưng tiếng vẫn còn non, (1)  
Mảnh cây thưa thớt đầu như trọc,  
Ghềnh đá long lanh ngấn chứa mòn.  
Một lá (2) về đâu xa thăm thẳm,  
Nghìn nhà trông xuống bé con con.  
Dấu già đã hẳn hơn ta chưa?  
Chống gậy lên cao gói chằng chôn!

### Chú thích:

1. Tác giả chơi chữ, tên núi là An Lão (lão: già) nhưng người ta thường nói "núi non".
2. Lá: con thuyền.

## Vịnh Tiến Sĩ Giấy

I

Rõ chú hoa man (1) khéo vẽ trò,  
Bõn ông mà lại dứ thằng cu.  
Mày râu mặt đỏ chùng bao tuổi,  
Giấy má nhà bay đáng mấy xu?  
Bán tiếng mua danh thầy lũ trẻ,  
Bảng vàng bia đá vẫn nghìn thu.  
Hỏi ai muốn ước cho con cháu,  
Nghĩ lại đòi xưa mấy kiếp tu.

II

Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai.  
Cũng gọi ông nghề có kém ai.  
Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng, (2)  
Nét son điểm rõ mặt văn khôi. (3)  
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?  
Cái giá khoa danh thế mới hời! (4)  
Ghế tréo, lọng xanh ngồi bảnh chọe,  
Nghĩ rằng đồ thật hóa đồ chơi!

### Chú thích:

1. Hoa man: người thợ làm nghề hàng mã.
2. Giáp bảng: bảng đề tên từ học vị tiến sĩ trở lên.
3. Văn khôi: đầu làng văn. ở đây chỉ người có đỗ đạt cao.
4. Hời: giá rẻ.